TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78**/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 16 - 7 - 2021.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Dịu

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T; Sinh năm 1983; Trú tại: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trịnh Văn T (Trình Xuân T); Sinh năm 1982; Trú tại: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: chị T có mặt, anh T vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Trình Văn T (Trịnh Xuân T) có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 3 năm 2002 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2008 thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Phương T, sinh ngày 20/6/2002 và Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 02/11/2008. Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với chị T. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 09/6/2021, tại biên bản lấy lời khai ông Trịnh Văn Th (bố nuôi của anh T) trình bày:

Năm 1984, vợ chồng ông nhận anh Trịnh Văn T (Trịnh Xuân T) làm con nuôi. Gia đình ông đã nhận được các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án về việc chị T có đơn xin ly hôn với anh T. Gia đình và con gái của anh T đã thông báo việc này cho anh T được biết. Anh T có nói với con gái là việc ly hôn là việc của chị T. Anh đang đi làm ăn xa nên không về được.

Về con chung, vợ chồng anh T, chị T có 02 con chung là Trịnh Phương T, sinh ngày 20/6/2002 và Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 02/11/2008. Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với chị T.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng chị T, anh T từ khi cưới đều ở cùng với bố mẹ chồng nên không có tài sản chung, công nợ chung.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông cam đoan là sẽ nhận và thông báo nội dung các văn bản Tòa án gửi về cho anh T được biết.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Trình Văn T . Về con chung, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, công nợ, vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa*:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩ vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị T, anh T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T. Giao chị Lê Thị T trách nhiệm nuôi dưỡng cả 02 con chung là Trịnh Phương T, sinh ngày 20/6/2002 và Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 02/11/2008. Việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chi Lê Thị T và anh Trình Văn T (Trịnh Xuân T) có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 3 năm 2002 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện và nhiều lần triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T được biết nhưng anh T cố tình vắng mặt không có lý do. Theo yêu cầu của chị T, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Ngày 09/6/2021, tại biên bản lấy lời khai ông Trịnh Văn Th (bố nuôi của anh T) trình bày: Gia đình ông đã nhận được các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án về việc chị T có đơn xin ly hôn với anh T. Gia đình và con gái của anh T đã thông báo việc này cho anh T được biết. Anh T có nói với con gái là việc ly hôn là việc của chị T. Anh đang đi làm ăn xa nên không về được.

Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh T đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: vợ chồng anh T, chị T có 02 con chung là Trịnh Phương T, sinh ngày 20/6/2002 và Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 02/11/2008. Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với chị T. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng cần giao cho chị T trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Anh T có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Trình Văn T (Trịnh Xuân T).

2. Về con chung: Giao chị Lê Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Trịnh Phương T, sinh ngày 20/6/2002 và Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 02/11/2008. Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với chị T. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với chị T. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002394 ngày 23/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trịnh Văn T (Trịnh Xuân T) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà